

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN K  
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **12/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 22/03/2023

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Thế Anh.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Vũ Xuân Dự và ông Trần Văn Nghi .

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Ninh, thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.

Ngày 22 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 03/2023/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Bùi Văn P, sinh năm 1973; ĐKKHKT và trú tại: xóm 13, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình ( có mặt )

- Bị đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1977; ĐKKHKT: xóm 13, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình; hiện cư trú tại: xóm 10, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình ( có mặt )

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Về phía nguyên đơn anh Bùi Văn P trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:**

Anh và chị Trần Thị L kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn năm 2005 tại UBND xã L, huyện K, là quê của anh chị. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xóm 13, xã L. Vợ chồng chung sống được một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn, vì mâu thuẫn nên anh và chị L đã sống ly thân.

Theo anh P nguyên nhân dẫn đến việc anh chị xảy ra mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, lối sống. Chị L nhiều lần bỏ nhà đi, để lại anh và con nhỏ ở nhà. Bản thân anh vì con cái nên chấp nhận bỏ qua để vợ chồng tiếp tục chung sống nhưng chị L không thay đổi. Thời gian gần đây anh phát hiện chị L có mối quan hệ bất chính với người đàn ông khác, không quan tâm đến chồng con và cuộc sống gia đình. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về chung sống, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị L để anh ổn định cuộc sống

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 2 con chung là Bùi Minh T1, sinh năm 1999 và Bùi Văn T, sinh năm 2003. Hiện các con đều đã trưởng thành tự lập, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản: Anh P xác định vợ chồng anh tự thỏa thuận nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

**Về phía bị đơn chị Trần Thị L trong bản tự khai ngày 13/3/2023 và biên bản sự việc ngày 02/02/2023 trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn, chị nhất trí như anh P trình bày. Quá trình chung sống giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Anh P thường xuyên chửi bới, đánh đập chị. Bản thân chị vì con cái nên chấp nhận tiếp tục chung sống. Thời gian gần đây, khi anh chị sống ly thân, chị phát hiện anh P có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Nay anh P có yêu cầu ly hôn với chị thì chị nhất trí ly hôn vì xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể quay về tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị ly hôn.

Về con chung: Chị Trần Thị L cũng xác định vợ chồng có 2 con chung như anh P đã nêu. Các con chung đều đã thành niên, tự lập cuộc sống, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: Chị Trần Thị L xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Quá trình giải quyết tại Tòa án, chị Trần Thị L không tham gia mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Bùi Văn P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với chị Trần Thị L. Chị L xác định cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng nhưng chị chỉ đồng ý ly hôn khi anh P đồng ý chia tài sản cho chị

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại Phòng tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Bùi Văn P khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn với chị Trần Thị L, cư trú tại xóm 10, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 28 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Bùi Văn P và chị Trần Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2005 tại UBND xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận một thời gian thì mới phát sinh mâu thuẫn.

Theo anh P xác định do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống, chị L nhiều lần bỏ nhà đi, không quan tâm đến anh và các con. Thời gian gần đây anh còn phát hiện chị L có mối quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Tuy nhiên anh không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào chứng minh cho nội dung này.

Về phía chị L, chị cho rằng nguyên nhân dẫn đến việc phát sinh mâu thuẫn là do anh P thường xuyên chửi bới, đánh đập chị. Vì con cái nên chị mới chấp nhận

tiếp tục chung sống với anh P. Trong thời gian gần đây, anh chị sống ly thân, chị phát hiện anh P có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nhưng chị cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào chứng minh cho trình bày này. Anh P yêu cầu ly hôn, chị xác định mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, không thể duy trì cuộc sống hôn nhân nhưng chị chỉ đồng ý việc ly hôn khi anh P yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng.

Như vậy mặc dù hai bên trình bày nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là khác nhau nhưng cả anh P và chị L đều xác định vợ chồng xảy ra mâu thuẫn một thời gian dài nhưng vì các con chung nên anh chị mới duy trì cuộc sống hôn nhân, đến nay, anh chị đã sống ly thân do không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa.

Từ những phân tích nêu trên đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của anh P, chị L hiện nay đã trầm trọng, mâu thuẫn không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung; việc chị L không đồng ý giải quyết ly hôn chỉ do chị mong muốn phân chia tài sản chung với anh P. Căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu của anh P giải quyết ly hôn chị L là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung :

Anh P và chị L đều xác nhận vợ chồng có 2 con chung là Bùi Minh T1, sinh năm 1999 và Bùi Văn T, sinh năm 2003, đều đã trưởng thành, tự lập, HĐXX không xem xét

[ 4] Về tài sản chung:

Anh Bùi Văn P không yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Chị Trần Thị L tại Pên tòa có yêu cầu giải quyết phân chia tài sản chung sau đó mới đồng ý việc ly hôn.

Quá trình giải quyết tại Tòa án, chị L không có yêu cầu phân chia tài sản chung vợ chồng đến tại Pên tòa chị mới có yêu cầu chị đồng ý ly hôn khi anh P đồng ý chia tài sản chung cho chị. Trong quá trình hòa giải theo Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án cũng như hòa giải sau khi thụ lý vụ án, chị L không tham gia. Trong bản tự khai của chị sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, chị L cũng không có yêu cầu xem xét giải quyết về tài sản chung. Tại phiên tòa chị có yêu cầu phân chia tài sản chung thì mới đồng ý việc ly hôn là có tình gây khó khăn trong việc giải quyết vụ án. Vấn đề tài sản chung, cả chị và anh P trước khi Tòa án có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều không có yêu cầu, do đó, yêu cầu phân chia tài sản chung của chị tại Pên tòa không được xem xét giải quyết trong vụ án này. Chị có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết trong 1 vụ án khác.

[5] Về án phí:

Căn cứ quy định tại điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 buộc anh P phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**1/ Xử lý hôn giữa anh Bùi Văn P và chị Trần Thị L.**

**2/ Về án phí:** Anh Bùi Văn P phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA0004756 ngày 06/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PÊN TÒA**

***(Đã ký)***

**Phạm Thế Anh**

